

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2189/QĐ-UBND**

Bắc Kạn, ngày **30** tháng **11** năm **2020**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến; sân phơi; nhà kho cho hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ nghị định số 42/2017/Đ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng quy định việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến; sân phơi; nhà kho cho hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2042/TTr-SXD ngày 25/11/2020, Thông báo số 2041/TB-SXD ngày 25/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến; sân phơi; nhà kho cho hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến; sân phơi; nhà kho cho hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn.

3. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh các hạng mục công trình của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hợp Giang:

- Điều chỉnh vị trí xây dựng các hạng mục công trình từ khu vực bãi đất đắp sang khu vực bãi đất san, cách vị trí đã được phê duyệt khoảng 30 mét (vẫn nằm trong tổng mặt bằng tại địa điểm đã được UBND tỉnh chấp thuận).

- Điều chỉnh móng các hạng mục nhà xưởng nuôi trồng, nhà xưởng cây giống và nhà kho từ móng cọc khoan nhồi bê tông cốt thép sang móng đơn bê tông cốt thép. Bổ sung giằng tường bê tông cốt thép M200 đá 1x2 cos 3,9m.

- Bổ sung thêm tường kê đá chắn đất về phía thượng lưu công trình; một đoạn cống thoát nước cho khe suối hiện có; sân phơi có mái lợp.

4. Lý do điều chỉnh: Do ban đầu Hợp tác xã xác định vị trí xây dựng công trình tại khu đất đắp có diện tích khoảng 2.000 m² để xây dựng công trình, nhưng hiện nay Hợp tác xã đã san gạt được mặt bằng với diện tích 4.400 m², việc điều chỉnh đảm bảo thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã sau khi công trình đi vào vận hành khai thác sử dụng và phù hợp với địa hình thực tế.

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng mục điều chỉnh, bổ sung:

5.1. Nhà xưởng (xưởng nuôi trồng, nhà xưởng cây giống):

- Công trình sử dụng kết cấu móng BTCT đá 1x2 M200; đáy móng lót bê tông đá 4x6 M100. Dầm móng BTCT M200, đá 1x2.

- Móng nhà xưởng nuôi trồng từ trục 1 đến trục 3 (móng MC2) được gia cố lớp cấp phối sông suối có chiều cao móng h=2m, đáy móng rộng 1,8m.

- Móng nhà xưởng cây giống từ trục 9 đến trục 11 (móng MC2) được gia cố lớp cấp phối sông suối có chiều cao móng h=2m, đáy móng rộng 1,8m.

- Giằng tường BTCT M200 đá 1x2 Cos 3,9m.

5.2. Nhà kho:

- Công trình sử dụng kết cấu móng trụ BTCT đá 1x2 M200; đáy móng lót BT đá 4x6 M100. Dầm móng BTCT M200, đá 1x2.

5.3. Sân phơi: Có diện tích 290m².

- Móng bê tông M200, đá 1x2, lót móng đá 4x6 M100.

- Hệ thống cột, vì kèo, xà gồ thép được liên kết với nhau bởi tăng đơ, giằng ngang. Mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm.

- Nền sân đổ bê tông M200 đá 1x2cm dày 10cm.

5.4. Kè đá, cống thoát nước:

- Kè đá có chiều dài L=30 mét, kè xây đá hộc VXM100; lót móng đá 4x6 M100.
- Cống thoát nước: Cống bê tông có đường kính D1500, chiều dài cống L=10m.

(Chi tiết xem hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

6. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình sau điều chỉnh:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi phí	Giá trị được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-UBND	Giá trị thẩm định điều chỉnh	Tăng(+), giảm(-) so với đề nghị
1	Chi phí xây dựng	10.695.341.708	10.768.271.886	72.930.178
2	Trạm biến áp	937.246.812	937.246.812	0
3	Chi phí QLDA	321.408.420	321.408.420	0
4	Chi phí tư vấn	627.520.475	627.520.475	0
5	Chi phí khác	138.920.013	138.920.013	0
6	Chi phí dự phòng	617.062.572	544.132.394	-72.930.178
Tổng cộng		13.337.500.000	13.337.500.000	0

(Chi tiết xem hồ sơ dự toán đã thẩm định).

7. Các nội dung khác không điều chỉnh được giữ nguyên theo Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

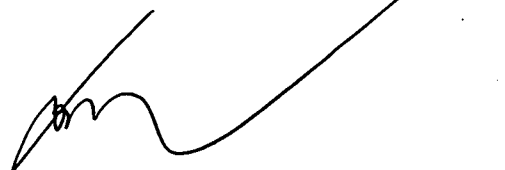
Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn (Chủ đầu tư) có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và các nội dung tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hợp Giang, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- QCT, PCT UBND tỉnh;
- PCVP (Ô.Thất);
- Lưu: VT, HàNN, Cúc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Minh Hoa